

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1 NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.154.375.522.273	2.678.066.855.242
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	992.245.544.790	904.519.085.757
1. Tiền	111		429.914.636.076	329.701.399.851
2. Các khoản tương đương tiền	112		562.330.908.714	574.817.685.906
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		94.938.492.690	91.441.580.440
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	141.722.199.042	141.722.199.042
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(79.833.706.352)	(79.980.618.602)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	33.050.000.000	29.700.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		889.294.230.335	1.514.907.461.906
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	313.970.235.392	424.388.818.241
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	303.412.637.013	301.977.999.806
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.800.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	279.559.678.280	818.830.416.468
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.448.889.600)	(30.290.341.859)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		569.250	569.250
IV. Hàng tồn kho	140		118.799.779.406	107.208.185.841
1. Hàng tồn kho	141	V.8	118.799.779.406	107.208.185.841
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		59.097.475.052	59.990.541.299
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	10.136.652.112	9.625.095.853
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		36.834.741.712	38.005.877.494
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18	12.126.081.228	12.359.567.951
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.071.936.413.182	6.321.234.065.044
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		203.175.708.060	198.466.823.330
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	1.642.000.000	1.642.000.000
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	201.533.708.060	196.824.823.330
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.515.709.210.558	2.431.673.132.649
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2.128.778.735.581	2.158.954.938.953
- Nguyên giá	222		3.716.522.961.594	3.813.770.290.510
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.587.744.226.013)	(1.654.815.351.557)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	55.018.884.983	26.831.696.565
- Nguyên giá	225		61.588.035.404	31.462.733.435
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.569.150.421)	(4.631.036.870)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	331.911.589.994	245.886.497.131
- Nguyên giá	228		366.731.492.745	272.888.632.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.819.902.751)	(27.002.134.991)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.751.120.501.301	1.086.215.278.045
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	1.751.120.501.301	1.086.215.278.045
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.006.966.325.457	2.010.258.432.052
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	1.863.788.574.054	1.851.025.400.527
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	275.945.057.558	275.945.057.558
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2d	(132.767.306.155)	(116.712.026.033)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		594.964.667.806	594.620.398.968
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	426.365.933.615	417.673.376.972
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	16.666.429.344	16.666.429.344
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.15	151.932.304.847	160.280.592.652
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.226.311.935.455	8.999.300.920.286

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.528.036.372.403	3.384.815.508.267
I. Nợ ngắn hạn	310		1.555.487.925.640	1.605.680.951.595
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	587.215.318.442	579.709.540.990
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	41.877.968.986	16.669.657.911
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	14.912.915.482	28.734.105.290
4. Phải trả người lao động	314	V.19	22.555.659.323	85.215.622.051
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	294.738.300.569	247.715.004.683
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21a	131.186.005.516	113.370.324.548
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	357.031.887.364	423.635.164.042
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.23	59.129.831.814	59.783.861.859
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.24	46.840.038.144	50.847.670.221
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.972.548.446.763	1.779.134.556.672
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.25	258.984.587.066	245.168.303.986
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.21b	104.892.363.715	67.235.955.435
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	1.597.381.193.526	1.455.292.731.065
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.26	11.290.302.457	11.437.566.186
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

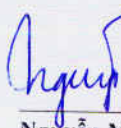
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.698.275.563.051	5.614.485.412.019
I. Vốn chủ sở hữu	410		5.698.275.563.051	5.614.485.412.019
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.27a	1.196.219.940.000	1.196.219.940.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.27a	1.196.219.940.000	1.196.219.940.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	V.27a	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27a	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.27a	71.797.775.902	71.797.775.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.27a	41.308.550.394	35.081.586.984
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.27a	98.136.497.726	98.136.497.726
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	V.27a	-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.27a	59.674.324.767	60.260.991.434
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.27a	1.221.322.292.643	1.152.641.702.340
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.152.641.702.340	750.281.952.766
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		68.680.590.304	402.359.749.574
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		538.341.707.219	528.872.443.233
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.226.311.935.455	8.999.300.920.286

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2016

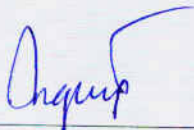
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	848.339.047.637	815.191.439.802	848.339.047.637	815.191.439.802
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	1.875.156.311	-	1.875.156.311
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		848.339.047.637	813.316.283.491	848.339.047.637	813.316.283.491
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	627.515.588.667	611.600.300.493	627.515.588.667	611.600.300.493
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		220.823.458.970	201.715.982.998	220.823.458.970	201.715.982.998
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	16.844.504.537	8.912.383.678	16.844.504.537	8.912.383.678
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	27.493.346.757	70.425.226.098	27.493.346.757	70.425.226.098
Trong đó: chi phí lãi vay	23		26.851.893.458	27.874.696.494	26.851.893.458	27.874.696.494
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		12.763.173.527	5.552.135.956	12.763.173.527	5.552.135.956
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	12.489.676.355	9.680.840.427	12.489.676.355	9.680.840.427
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	66.446.380.768	56.506.085.570	66.446.380.768	56.506.085.570
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		144.001.733.155	79.568.350.537	144.001.733.155	79.568.350.537
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.091.942.193	1.424.133.373	2.091.942.193	1.424.133.373
13. Chi phí khác	32	VI.9	53.211.072.256	856.983.150	53.211.072.256	856.983.150
14. Lợi nhuận khác	40		(51.119.130.064)	567.150.223	(51.119.130.064)	567.150.223
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		92.882.603.091	80.135.500.760	92.882.603.091	80.135.500.760
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9.732.362.241	8.654.472.536	9.732.362.241	8.654.472.536
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(710.605.322)	(9.239.324.174)	(710.605.322)	(9.239.324.174)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		83.860.846.172	80.720.352.398	83.860.846.172	80.720.352.398
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		68.680.590.304	66.051.780.489	68.680.590.304	66.051.780.489
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.180.255.868	14.668.571.909	15.180.255.868	14.668.571.909
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	574	569	574	569
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		574	569	574	569

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	92.882.603.091	80.135.500.760
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	69.203.223.821	84.426.968.774
- Các khoản dự phòng	03	(3.933.084.387)	(8.694.977.486)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(11.738.453.027)	22.035.816.193
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	47.970.861.715	(9.258.144.382)
- Chi phí lãi vay	06	26.851.893.458	27.874.696.494
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	221.237.044.671	196.519.860.353
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(34.310.612.359)	53.964.754.945
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(11.591.593.565)	(6.281.347.026)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	38.219.458.754	(58.812.957.491)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(9.204.112.902)	(22.088.075.635)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(10.614.468.393)	(12.592.296.664)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.050.433.146)	(29.786.880.323)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	32.227.814.664
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.988.491.896)	(35.430.103.088)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	178.696.791.164	117.720.769.735
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(163.627.023.381)	(119.515.859.899)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	47.536.621.553	2.090.909.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(189.798.881.655)	(321.484.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	155.000.000.000	371.670.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.324.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.435.076.836	4.899.261.600
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(148.454.206.647)	(67.663.689.209)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

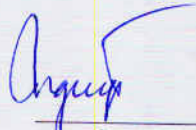
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	111.253.768.561	16.695.035.717
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(52.068.350.833)	(79.910.487.072)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(1.703.467.829)	(1.065.225.567)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	57.481.949.899	(64.280.676.922)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	87.724.534.416	(14.223.596.394)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	904.519.085.757	943.317.929.162
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.924.617	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	992.245.544.790	929.094.332.768

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016



Trương Như Nguyễn
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không,...
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 27 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600094 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 28/01/2016 để thành lập công ty con tại nước ngoài là Công ty cổ phần Niềm kiêu hãnh Thái Bình Dương.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5b. Danh sách các công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	81,60%	81,60%	81,60%	81,60%
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Gemadept (S) Pte. Ltd.	No.68B, Jalan Batai Laut 4, Taman Intan, 41300 Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia	100%	100%	100%	100%
Grand Pacific Shipping Pte. Ltd.	63 Market Street #05-01A, Bank of Singapore Centre, Singapore 048942	100%	100%	100%	100%
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	63 Market Street #05-01A, Bank of Singapore Centre, Singapore 048942	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH cảng Phước Long	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV tiếp vận Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH vận tải Liên Ước	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Mekong Logistic	2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51%	51%	51%	51%
Công ty cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Khu công nghiệp Sông Hậu, Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	50,96%	50,96%	50,96%	50,96%
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Đường số 2B, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ ⁽¹⁾	Tầng 6, lô 20A, tòa nhà TD Plaza Business Center, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%	54,00%
Công ty TNHH MTV vận tải hàng hải Thái Bình Dương	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty TNHH MTV	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
logistics Biển Sáng	Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam				
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV công nghiệp cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	193C đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	193C đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Niềm tự hào Thái Bình Dương	193C đại lộ Mao Tse Tong, Phường Beung Trabaek, Quận Chamkarmon, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia	100%	-	100%	-
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 đường Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty TNHH thiết bị và dịch vụ hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%	100%
Công ty cổ phần logistics Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65%	65,00%	65%

- (i) Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

5c. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam	Lô J1, đường số 8, khu công nghiệp Sóng Thần 1, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	49,00%	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Dạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	112 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	38,03%	38,03%	38,03%	38,03%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	29,82%	29,82%	29,82%	29,82%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối quý	Số đầu năm	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link ⁽ⁱ⁾	Khu vực Cái Mép, xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	65,13%	65,13%	50%	50%
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Tầng 13, toàn nhà Sài Gòn Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49%	49%	49%	49%
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%	50,00%

- (i) Mặc dù tỷ lệ phần sở hữu của Tập đoàn trong Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link là hơn 50% nhưng theo Điều lệ Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link quy định các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện cho ít nhất 76% tổng số cổ phần biểu quyết đồng ý thông qua. Do đó khoản đầu tư này được trình bày ở chỉ tiêu Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Quý 1 năm 2016 bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc quý được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá bán của ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 2% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục “Lợi ích cổ đông không kiểm soát”.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc năm tài chính được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí phát sinh liên quan đến dự án chưa hoàn thành.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền thuê đất, các chi phí tư vấn và chi phí khác đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Chi phí nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (42 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 02 – 03 năm.

Chi phí lãi thuê tài chính container

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 40
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 09

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải là 06 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

Chi phí thiết kế trang Web

Chi phí thiết kế trang Web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các Chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	18.049.296.800	14.304.430.311
Tiền gửi ngân hàng	394.682.135.598	312.421.337.816
Tiền đang chuyển	17.183.203.678	2.975.631.724
Các khoản tương đương tiền		
(Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	562.330.908.714	574.817.685.906
Cộng	992.245.544.790	904.519.085.757

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu						
Ngân hàng						
thương mại cổ						
phần Quốc Dân	94.971.030.000	39.883.487.100	(55.087.542.900)	94.971.030.000	46.180.879.800	(48.790.150.200)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối quý			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty cổ phần thép Thủ Đức	31.488.264.362	19.982.925.000	(11.505.339.362)	31.488.264.362	13.854.828.000	(17.633.436.362)
Công ty cổ phần khoáng sản Mangan	14.234.321.100	993.751.000	(13.240.570.100)	14.234.321.100	677.557.500	(13.556.763.600)
Các cổ phiếu khác	1.028.583.580	1.440.345.900	(253.990)	1.028.583.580	1.267.042.800	(268.440)
Cộng	141.722.199.042	62.300.509.000	(79.833.706.352)	141.722.199.042	61.980.308.100	(79.980.618.602)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

2c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Giá gốc	Số cuối quý Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Số đầu năm Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	62.538.064.097	9.170.474.634	71.708.538.731	62.538.064.097	9.170.474.634	71.708.538.731
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	9.642.000.000	763.981.438	10.405.981.438	9.642.000.000	1.665.707.912	11.307.707.912
Công ty TNHH Molenbergnatie Gemadept Việt Nam	5.110.700.000	(491.867.469)	4.618.832.531	5.110.700.000	(491.867.469)	4.618.832.531
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	18.754.608.143	(2.965.342.393)	15.789.265.750	18.754.608.143	(2.934.050.052)	15.820.558.091
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	23.236.200.000	4.790.175.299	28.026.375.299	23.236.200.000	4.326.936.397	27.563.136.397
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	143.681.000.000	62.144.625.213	205.825.625.213	143.681.000.000	46.791.774.637	190.472.774.637
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	49.825.280.000	(10.711.701.289)	39.113.578.711	49.825.280.000	(10.347.737.067)	39.477.542.933
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept-Terminal Link	1.477.350.000.000	(87.288.081.136)	1.390.061.918.864	1.477.350.000.000	(84.967.248.349)	1.392.382.751.651
Công ty TNHH Golden Globe	89.355.403.136	-	89.355.403.136	89.355.403.136	-	89.355.403.136
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line-Gemadept	6.324.000.000	2.559.054.382	8.883.054.382	6.324.000.000	1.994.154.508	8.318.154.508
Công ty TNHH OOCL Logistics (VNM đư)	1.029.000.000	(1.029.000.000)	-	1.029.000.000	(1.029.000.000)	-
Cộng	1.886.846.255.376	(23.057.681.322)	1.863.788.574.054	1.886.846.255.376	(35.820.854.849)	1.851.025.400.527

Giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này**Năm nay****Năm trước****Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)**

Doanh thu dịch vụ

4.432.661.171

3.420.931.643

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Molenbergnatie – Gemadept Việt Nam		
Doanh thu dịch vụ	-	3.038.093.046
Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn		
Chi phí dịch vụ	-	106.415.483
Doanh thu dịch vụ	746.297.634	-
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link		
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	75.675.000
Lãi vay	100.130.626	96.411.297
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu		
Cổ tức được chia	1.253.460.000	-
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực		
Chi phí dịch vụ	-	321.000.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm		
Lãi cho vay vốn	828.000.000	-
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line - Gemadept		
Góp vốn	-	5.324.000.000
Doanh thu dịch vụ	1.294.911.943	-
Chi phí dịch vụ	772.727	431.818
2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải	165.581.032.000	165.581.032.000
Công ty TNHH CJ Việt Nam	37.612.025.558	37.612.025.558
Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam	31.752.000.000	31.752.000.000
Các đơn vị khác	41.000.000.000	41.000.000.000
Cộng	275.945.057.558	275.945.057.558

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	7.974.733.091	4.124.248.335
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	4.821.520.660	3.196.228.689
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line – Gemadept	875.212.431	928.019.646
Công Ty Cổ Phần Du Lịch Minh Đạm	98.000.000	-
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	2.180.000.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	305.995.502.300	420.264.569.906
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	45.859.223.811	46.759.596.504
Các khách hàng khác	260.136.278.489	373.504.973.402
Cộng	313.970.235.391	424.388.818.241

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn**4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần Bông Sen Vàng	68.023.381.296	70.023.381.296
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	32.885.448.455	29.464.093.957
Công ty cổ phần cảng Bình Dương	53.000.000.000	54.500.000.000
Các nhà cung cấp khác	149.503.807.262	147.990.524.553
Cộng	303.412.637.013	301.977.999.806

4b. Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng tỉnh Long An	1.284.000.000	1.284.000.000
Công ty TNHH thương mại dịch vụ xây dựng Vương Song	358.000.000	358.000.000
Cộng	1.642.000.000	1.642.000.000

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm – Hỗ trợ vốn	2.500.000.000	-
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng – Hỗ trợ vốn	300.000.000	-
Cộng	2.800.000.000	-

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	800.000.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm – Hỗ trợ vốn	-	500.000.000
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng – Hỗ trợ vốn	-	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân</i>	279.559.678.280	818.030.416.468
Các khoản chi hộ	163.088.649.560	681.826.441.657
Tạm ứng	52.210.555.130	74.349.745.366
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	16.132.247.918	24.635.960.247
Các khoản phải thu khác	48.128.225.672	37.218.269.198
Cộng	279.559.678.280	818.830.416.468

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	81.000.000.000	76.800.000.000
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn	47.530.818.696	52.045.592.010
Các khoản phải thu dài hạn khác	36.002.889.364	30.979.231.320
Cộng	201.533.708.060	196.824.823.330

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	(30.290.341.859)
Hoàn nhập dự phòng	19.841.452.259
Số cuối quý	(10.448.889.600)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	21.327.501.872	-	16.551.520.387	-
Nhiên liệu tồn trên tàu	14.028.020.239	-	12.330.392.005	-
Phụ tùng thay thế	13.356.492.049	-	12.994.634.852	-
Công cụ dụng cụ	895.098.377	-	901.597.880	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	64.709.579.642	-	57.930.271.349	-
Hàng hóa	4.483.087.227	-	6.499.769.368	-
Cộng	118.799.779.406	-	107.208.185.841	-

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	2.735.574.185	1.911.212.241

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí vật tư	3.498.567.938	4.833.595.595
Chi phí bảo hiểm	1.344.422.204	1.477.475.451
Các chi phí khác	2.558.087.785	1.402.812.566
Cộng	10.136.652.112	9.625.095.853

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí nhượng quyền sử dụng đất ⁽ⁱ⁾	151.799.866.786	152.832.283.547
Tiền thuê đất	194.336.783.813	195.475.379.138
Chi phí đầu tư đường gom	33.266.734.573	34.154.037.130
Chi phí vật tư, phụ tùng	6.514.095.848	14.456.388.601
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	18.814.148.219	6.145.007.843
Chi phí lãi thuê tài chính container	15.791.346.086	7.944.878.291
Các chi phí khác	5.842.958.290	6.665.402.422
Cộng	426.365.933.615	417.673.376.972

- (i) Chi phí nhượng quyền sử dụng đất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ. Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.170.195.929.978	670.730.827.586	1.953.844.107.633	17.327.000.239	1.672.425.074	3.813.770.290.510
Tăng trong quý	84.285.092.821	11.769.236.497	35.797.187.899	624.092.246	-	132.475.609.463
Giảm trong quý	(1.533.333.468)	(1.840.694.882)	(226.024.733.453)	(243.220.532)	(80.956.044)	(229.722.938.379)
Số cuối quý	1.252.947.689.331	680.659.369.201	1.763.616.562.079	17.707.871.953	1.591.469.030	3.716.522.961.594
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	254.848.008.682	294.074.278.747	1.092.715.947.913	11.817.871.268	1.359.244.947	1.654.815.351.557
Tăng trong quý	36.606.334.079	12.232.407.581	32.311.312.985	355.943.306	3.524.079	81.509.522.030
Giảm trong quý	(23.184.686.321)	(1.713.950.755)	(123.680.885.129)	(1.125.369)	-	(148.580.647.574)
Số cuối quý	268.269.656.440	304.592.735.573	1.001.346.375.769	12.172.689.205	1.362.769.026	1.587.744.226.013
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	915.347.921.296	376.656.548.839	861.128.159.720	5.509.128.971	313.180.127	2.158.954.938.953
Số cuối quý	984.678.032.891	376.066.633.628	762.270.186.310	5.535.182.748	228.700.004	2.128.778.735.581

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Thiết bị và phương tiện vận tải
Nguyên giá	
Số đầu năm	31.462.733.435
Thuê tài chính trong quý	30.125.301.969
Số cuối quý	61.588.035.404
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	4.631.036.870
Khấu hao trong quý	1.938.113.551
Số cuối quý	6.569.150.421
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	26.831.696.565
Số cuối quý	55.018.884.983

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chi phí thiết kế web	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	256.301.172.258	16.557.459.864	30.000.000	272.888.632.122
Tăng trong quý	94.288.496.688	255.000.000	-	94.543.496.688
Giảm trong quý	(700.636.065)	-	-	(700.636.065)
Số cuối quý	349.889.032.881	16.812.459.864	30.000.000	366.731.492.745
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	15.031.147.646	11.957.654.017	13.333.328	27.002.134.991
Tăng trong quý	7.346.246.980	806.227.005	2.499.999	8.154.973.984
Giảm trong quý	(337.206.224)	-	-	(337.206.224)
Số cuối quý	22.040.188.402	12.763.881.022	15.833.327	34.819.902.751
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	241.270.024.612	4.599.805.847	16.666.672	245.886.497.131
Số cuối quý	327.848.844.479	4.048.578.842	14.166.673	331.911.589.994

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong quý	Phát sinh trong quý	Số cuối quý
Mua sắm TSCĐ	49.669.071.841	(18.787.925.061)	55.238.986.288	86.120.133.068
XDCB dở dang	1.036.546.206.204	(18.588.747.825)	647.042.909.854	1.665.000.368.233
- Công trình đường vào Cảng PVC	2.057.303.684	-	-	2.057.303.684
- Công trình dự án Cảng PVC	958.396.104	-	3.259.569.129	4.217.965.233
- Công trình khu dân cư Rạch Chiếc	51.865.085.825	-	-	51.865.085.825
- Dự án cao su của Pacific Pearl	396.935.831.640	-	8.279.613.385	405.215.445.025
- Dự án cao su của Pacific Lotus	419.237.117.740	-	12.125.222.357	431.362.340.097
- Dự án cao su của Pacific Pride	-	-	544.049.511.234	544.049.511.234
- Dự án cảng Nam Hải Đình Vũ	1.992.854.545	(3.439.354.545)	1.446.500.000	-
- Dự án Mekong Logistic	138.397.477.083	-	61.200.362.759	199.597.839.842
- Dự án Nam Hải logistic	9.758.426.815	-	16.742.823.667	26.501.250.482
- Các dự án khác	15.343.712.768	(15.149.393.280)	(60.692.677)	133.626.811
Cộng	1.086.215.278.045	(37.376.672.886)	702.281.896.142	1.751.120.501.301

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept, Công ty cổ phần cảng Nam Hải và Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ. Chi tiết phân bổ như sau:

Nguyên giá	
Số đầu năm	334.718.217.270
Số cuối quý	334.718.217.270
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	174.437.624.617
Phân bổ trong quý	8.348.287.805
Số cuối quý	182.785.912.422
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	160.280.592.652
Số cuối quý	151.932.304.848

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	531.503.500	531.503.500
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	531.503.500	531.503.500
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	586.683.814.942	579.178.037.490
Rich Mountain Trading Co., Ltd	71.834.080.654	73.539.285.200
V-Forest Trading Co., Ltd	70.540.402.992	58.427.126.600
Các nhà cung cấp khác	444.309.331.296	447.211.625.690
Cộng	587.215.318.442	579.709.540.990

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Sea Consortium Pte Ltd	-	3.981.636.890
Công ty TNHH Express Trains Ath	1.750.000.000	1.750.000.000
Louis Dreyfus Commodities Asia Pte Ltd	294.235.385	450.400
Các khách hàng khác	39.833.733.601	10.937.570.621
Cộng	41.877.968.986	16.669.657.911

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	1.343.531.728	6.049.885.757	3.136.904.858	13.531.117.316
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.822.294.199	5.838.639.200	8.542.881.568	10.951.014.767
Thuế thu nhập cá nhân	636.391.190	59.929.841	27.866.054	1.001.155.148
Các loại thuế khác	323.864.111	2.964.460.684	651.915.471	3.250.818.059
Cộng	12.126.081.228	14.912.915.482	12.359.567.951	28.734.105.290

19. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.035.172.648	3.760.666.699
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	4.035.172.648	3.760.666.699
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	290.703.127.921	243.954.337.984
Chi phí lãi vay	160.953.285.975	145.419.277.564
Chi phí cho dự án trồng cao su	44.304.027.552	31.736.219.920
Chi phí sửa chữa, xây dựng	7.842.150.728	20.680.824.639
Chi phí bốc xếp	7.047.254.086	11.373.408.895
Chi phí khác	70.556.409.580	34.744.606.966
Cộng	294.738.300.569	247.715.004.683

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****21. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****21a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội,		
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	1.558.914.328	561.031.300
Nhận ký quỹ ngắn hạn	17.192.090.000	26.423.058.840
Cổ tức phải trả	7.677.845.420	9.551.470.413
Phải trả về dịch vụ làm đại lý	22.482.879.358	48.178.299.399
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	82.274.276.410	28.656.464.596
Cộng	131.186.005.516	113.370.324.548

21b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>72.304.500</i>	<i>72.304.500</i>
Công ty TNHH tiếp vận "K" Line – Gemadept –		
Nhận ký quỹ cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>104.820.059.215</i>	<i>67.163.650.935</i>
Chi phí thuê đất (*)	95.135.780.950	59.313.648.920
Nhận ký quỹ dài hạn	9.684.278.265	7.850.002.015
Cộng	104.892.363.715	67.235.955.435

(*) Các khoản chi phí thuê đất phát sinh tại Công ty cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương, Công ty cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương và Công ty cổ phần Niềm kiêu hãnh Thái Bình Dương được phân bổ cho giai đoạn từ năm 2011 lũy kế đến ngày 31 tháng 03 năm 2016. Các khoản chi phí này sẽ được thanh toán sau thời hạn 05 năm kể từ ngày ký Hợp đồng thuê đất.

21c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>240.313.531.852</i>	<i>242.195.602.360</i>
Vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –		
Terminal Link theo lãi suất cố định quy định trong		
hợp đồng	240.313.531.852	242.195.602.360
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân</i>	<i>116.718.355.512</i>	<i>181.439.561.682</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	22.966.355.252
Vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	22.966.355.252

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	24.000.000.000	16.000.000.000
<i>Vay Công ty cổ phần Cảng Minh Phú – Hậu Giang</i>	<i>14.000.000.000</i>	<i>14.000.000.000</i>
<i>Vay Tập Đoàn Thủy Sản Minh Phú</i>	<i>10.000.000.000</i>	-
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân khác</i>	-	<i>2.000.000.000</i>
Vay dài hạn đến hạn trả	79.136.282.437	135.165.153.402
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	13.582.073.075	7.308.053.028
Cộng	357.031.887.364	423.635.164.042

22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	644.632.567.032	524.555.598.589
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng</i>	<i>196.959.191.432</i>	<i>162.201.686.678</i>
<i>Vay Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Hải Phòng</i>	<i>200.437.780.194</i>	<i>171.973.915.090</i>
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ngãi</i>	<i>151.000.000.000</i>	<i>151.000.000.000</i>
<i>Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn</i>	<i>33.900.300.000</i>	<i>36.321.750.000</i>
<i>Vay dài hạn các ngân hàng khác</i>	<i>62.335.295.406</i>	<i>3.058.246.821</i>
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P ⁽¹⁾	893.800.000.000	900.800.000.000
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LL	58.948.626.494	29.937.132.476
Cộng	1.597.381.193.526	1.455.292.731.065

- ⁽¹⁾ Vay chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty quỹ VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:
Hạn mức vay : 40.000.000,00 USD

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.
- Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay : Giải ngân đầu tư cho các dự án phát triển cảng, phát triển dịch vụ logistics, mua sắm phương tiện vận tải, thiết bị xếp dỡ và dự án trồng rừng tại Campuchia.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:
- Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;
 - Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty bao gồm: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị.

25. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	238.637.013.832	240.090.836.357
Doanh thu chưa thực hiện khác	20.347.573.234	5.077.467.629
Cộng	258.984.587.066	245.168.303.986

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.437.566.186	12.329.887.999
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(147.263.729)	(892.321.813)
Số cuối quý	11.290.302.457	11.437.566.186

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****27. Vốn chủ sở hữu****27a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Số đầu năm	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý
Vốn góp của chủ sở hữu	1.196.219.940.000	-	-	1.196.219.940.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	-	-	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902	-	-	71.797.775.902
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	35.081.586.984	6.226.963.410	-	41.308.550.394
Quỹ đầu tư phát triển	98.136.497.726	-	-	98.136.497.726
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	60.260.991.434	-	(586.666.667)	59.674.324.767
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.152.641.702.340	68.680.590.304	-	1.221.322.292.644
Cộng	5.085.612.968.786	74.907.553.714	(586.666.667)	5.159.933.855.833

27b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	119.621.994	119.621.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	119.621.994	119.621.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	119.621.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	119.621.994	119.621.994
- Cổ phiếu phổ thông	119.621.994	119.621.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

27c. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang VND.

28. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu****Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	417.522.342.837	416.730.681.595
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý	430.816.704.801	398.460.758.207
Cộng	848.339.047.638	815.191.439.802

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm giá hàng bán của doanh thu hoạt động khai thác cảng.

3. Giá vốn hàng bán**Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khai thác cảng	256.001.690.747	255.325.780.919
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	371.513.897.920	356.274.519.574
Cộng	627.515.588.667	611.600.300.493

4. Doanh thu hoạt động tài chính**Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.795.753.048	4.899.261.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.744.348.489	2.299.244.893
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.304.403.000	1.652.763.370
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	61.113.815
Cộng	16.844.504.537	8.912.383.678

5. Chi phí tài chính**Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	26.819.976.371	27.874.696.494
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	22.037.922.134
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	643.449.999	3.925.244.023

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chi phí tài chính khác	29.920.387	16.587.363.446
Cộng	27.493.346.757	70.425.226.097
6. Chi phí bán hàng		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	12.489.676.355	9.680.840.427
Cộng	12.489.676.355	9.680.840.427
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên	26.319.812.340	27.011.003.874
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	753.521.948	1.023.830.252
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.822.410.733	1.541.592.452
Phân bổ lợi thế thương mại	8.348.287.805	9.512.967.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.800.888.880	4.847.672.920
Chi phí khác	22.401.459.061	12.569.018.562
Cộng	66.446.380.767	56.506.085.570
8. Thu nhập khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định	836.761.682	406.457.605
Phân bổ doanh thu chưa thực hiện (*)	1.017.675.768	1.017.675.768
Thu nhập khác	237.504.743	-
Cộng	2.091.942.193	1.424.133.373
(*)	Doanh thu chưa thực hiện do đánh giá quyền sử dụng đất khi góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link phát sinh từ năm 2008 là 283.980.000.000 VND, Tập đoàn phân bổ doanh thu chưa thực hiện trong năm tương ứng với thời gian khấu hao quyền sử dụng đất là 48 năm và 10 tháng.	
9. Chi phí khác		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	52.105.471.834	-
Chi phí khác	1.105.600.422	856.983.150
Cộng	53.211.072.256	856.983.150

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	68.680.590.304	66.051.780.489
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	68.680.590.304	66.051.780.489
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	119.621.994	116.137.994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	574	569
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	574	569

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.822.423.380	56.640.249.371
Chi phí nhân công	97.556.559.441	80.915.969.616
Chi phí khấu hao và lợi thế thương mại phân bổ	69.203.223.821	84.426.968.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	449.991.817.261	433.185.881.392
Chi phí khác	40.877.621.887	22.618.157.336
Cộng	706.451.645.790	677.787.226.490

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.707.600.000	704.400.000
Các khoản phúc lợi khác	194.198.824	140.198.824
Cộng	1.901.798.824	844.598.824

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH OOCL Logistics (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty TNHH Molenbergnatie - Gemadept Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần liên hợp thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH tiếp vận “K” Line - Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giao dịch với các bên liên quan khác

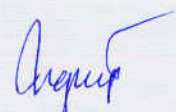
Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4a, V.16, V.20, V.21a và V.22a.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc